

VÀI Ý KIẾN VỀ MỐC KẾT THÚC THỜI KỲ BẮC THUỘC TRONG LỊCH SỬ SỬ HỌC VIỆT NAM

VÕ VĂN SEN*
VÕ PHÚC TOÀN**

1. Quan điểm về mốc kết thúc thời kỳ Bắc thuộc qua các bộ sử thời quân chủ

Thời kỳ Bắc thuộc là một chặng đường đầy gian nguy trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Nền văn minh sông Hồng đang trong thời kỳ đỉnh cao và phát triển với hai nhà nước Văn Lang - Âu Lạc thì bị các tập đoàn phong kiến Trung Hoa xâm lược. Nhưng biện chứng của lịch sử là trên 10 thế kỷ bị xâm lược, thống trị và đồng hóa của phong kiến Trung Quốc cũng lại là 10 thế kỷ thử thách và trưởng thành của dân tộc Việt Nam. Một trong nhiều vấn đề từ lâu đã trở thành đối tượng nghiên cứu, tranh luận của các học giả trong và ngoài nước đó là vấn đề mốc lịch sử kết thúc của nghìn năm Bắc thuộc.

Từ khi bị xâm lược, biến thành quận, huyện của các đế chế phong kiến Trung Hoa, vùng lãnh thổ tương đương với Bắc Việt Nam ngày nay đã có nhiều tên gọi khác nhau như Giao Châu, Giao Chỉ, An Nam đô hộ phủ. Sau khi nhà Hán sụp đổ, cục diện cát cứ diễn ra liên tục. Do nằm ở cực Nam của đế chế phương Bắc nên chính quyền đô hộ ở miền Bắc Việt Nam thường có khuynh hướng ly tâm, trở thành một chính quyền tự trị trên thực tế mỗi khi

chính quyền trung ương ở Trung Hoa suy yếu, mất khả năng kiểm soát vùng ngoại biên. Như trường hợp của Sĩ Nhiếp làm Thái thú ở Giao Chỉ thời Tam Quốc là khá điển hình, trong thực tế đã trở thành một lực lượng cát cứ lớn, “ra vào với nghi lễ của chư hầu”: “Sĩ Nhiếp hùng cứ một phương, khi đi ra đi vào, thì có hiệu lệnh chuông khánh, trống kèn, xe ngựa chập đường, quân lính theo hầu hai bên xe, xông trầm hương có vài mươi người. Vợ hầu đều đi xe có màn che, con em cưỡi ngựa, có lính đi theo hộ vệ, đương lúc đó, quý trọng không ai bằng, trăm giống mọi thấy đều khiếp phục, so với Triệu Đà ngày trước cũng *không hơn được*” (1).

Không chỉ các lực lượng cát cứ người Hán, mà các thế lực tinh hoa của người Việt cũng luôn xem tình hình bất ổn, khủng hoảng của chính quyền trung ương ở Trung Hoa là thời cơ thuận lợi để giành lại quyền tự chủ, độc lập. Cục diện rối loạn của nhà Đường vào cuối thế kỷ thứ X là một thời cơ hết sức thuận lợi cho con đường giành tự chủ, độc lập của người Việt. Năm 905, viên Tiết độ sứ cuối cùng bị vua Đường triệu về nước. Năm 907, Chu Toàn Trung, một viên tướng của Hoàng Sào đầu hàng nhà Đường, đã thành lập nhà Hậu Lương,

*GS.TS. Trường Đại học KHXH&NV, Tp. Hồ Chí Minh

**ThS. Trường Đại học KHXH&NV, Tp. Hồ Chí Minh

bắt đầu cục diện Ngũ đại Thập quốc ở Trung Hoa. Chính trong giai đoạn chính trị Trung Hoa rối ren này, các lực lượng tinh hoa An Nam đã nhanh chóng chớp lấy thời cơ thuận lợi, gây dựng chính quyền tự chủ của người Việt. Những diễn biến chính trị quan trọng tiếp sau đó trong nửa đầu thế kỷ X đã dần hình thành thời cơ đi từ tự chủ đến giành độc lập hoàn toàn, kết thúc vĩnh viễn nghìn năm Bắc thuộc.

Sử gia dưới các triều đại quân chủ ở nước ta đã có nhiều ý kiến khác nhau về mốc lịch sử kết thúc thời kỳ Bắc thuộc, mà chủ yếu là xoay quanh ba sự kiện: họ Khúc giành quyền tự chủ năm 905, chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền trước quân Nam Hán năm 938 và về mốc lịch sử (967, 968) khi Đinh Bộ Lĩnh đánh dẹp, thu phục 12 sứ quân (967), rồi chính thức lập nước Đại Cồ Việt và xưng đế (968). Quan điểm của các bộ sử thời quân chủ ở Việt Nam khi đề cập đến vấn đề này có thể tóm tắt như bảng 1:

Văn Hưu đã không còn, nhưng chúng ta có thể thấy phiên bản rút gọn, sơ lược của nó qua *Đại Việt sử lược*. Từ *Đại Việt sử lược* đến *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, các quan điểm về *quốc thống, chính thống* và *nhất thống* đã trở thành trục giá trị để đề cập đến mốc chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc (hết phần ngoại kỷ/tiền biên) và mở ra thời kỳ độc lập (bắt đầu bản kỷ/chính biên). Trừ *Việt sử tiêu án* theo thể loại phê bình sử học, các bộ sử nói trên đều chép theo thể biên niên hoặc cương mục, chia thành ngoại kỷ và bản kỷ hoặc tiền biên và chính biên. Dưới bút pháp của sử thần Nho giáo, các bộ sử này phản ánh khá đậm nét tư tưởng chính trị của giới cầm quyền ở Việt Nam đương thời. Dù đối với hoàng đế Trung Hoa, Việt Nam vẫn giữ vai trò chư hầu, phải triều cống và nhận sách phong theo lệ định nhưng với các nước xung quanh như Chiêm Thành, Vạn Tượng, Chân Lạp hoặc với các bộ tộc ở biên giới, triều đình quân chủ Việt Nam lại muốn

Bảng 1: Cột mốc chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc qua một vài bộ sử thời phong kiến

STT	Tác phẩm - niên đại	Tác giả	Kết thúc thời thuộc Tùy - Đường	Mở đầu bản Kỷ/ Chính biên
1	Đại Việt sử lược (XIII)	Khuyết danh	938: Ngô Quyền giết Kiều Công Tiễn	-
2	Đại Việt sử ký toàn thư (Toàn thư) (XV-XVII)	Sử thần đời Lê	906: Khúc Hạo chiếm Tĩnh Hải quân	968: Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi
3	Việt sử tiêu án (1772-1775)	Ngô Thì Sĩ	906: Khúc Hạo chiếm Tĩnh Hải quân	-
4	Đại Việt sử ký tiền biên (Tiền biên) (1789-1800)	Ngô Thì Sĩ	906: Khúc Thừa Hựu (Dụ) được phong Đồng bình chương sự	968: Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi
5	Khâm định Việt sử thông giám cương mục (Cương mục) (1856-1881)	Quốc sử quán triều Nguyễn	967: Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân	968: Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế
6	Việt sử cương mục tiết yếu (1905)	Đặng Xuân Bảng	906: Khúc Thừa Hựu (Dụ) được phong Đồng bình chương sự	968: Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế

Lược qua các bộ sử thời quân chủ nói trên có thể thấy sự khác biệt trong quan điểm về cột mốc kết thúc thời kỳ Bắc thuộc. Bộ chính sử đầu tiên *Đại Việt sử ký* của Lê

khảng định vai trò tiểu tông chủ của mình. Vì thế đối với Trung Hoa thì xưng thần và nhận sách phong nhưng trong thực quan hệ của mình với các nước xung quanh, vua

Việt Nam lại xưng hoàng đế, muốn khẳng định Nam đế ngang hàng với Bắc đế. Quan điểm này được thể hiện khá rõ nét, thậm chí có phần chiếm ưu thế trong việc phân chia ngoại kỷ và bản kỷ của các bộ chính sử. Cả *Toàn thư*, *Tiền biên* hay *Cương mục* đều lấy sự kiện Đinh Bộ Lĩnh đánh dẹp thu phục 12 sứ quân lên ngôi Hoàng đế làm cột mốc kết thúc phần ngoại kỷ mở đầu phần bản kỷ. Cột mốc này được *Toàn thư* lý giải là để làm sáng tỏ “chính thống”, rõ phận vua tôi (2). Dưới nhãn quan của sử thần Nho gia và sự tự tôn dân tộc của giới tinh hoa phong kiến Việt Nam, việc xưng đế ngang hàng với hoàng đế Trung Quốc và công nhất thống làm sáng tỏ đạo quân thần của Đinh Tiên Hoàng được các triều đình phong kiến đề cao, xứng đáng làm cột mốc chia rõ hai phần ngoại kỷ và bản kỷ của các bộ chính sử. Việc chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc, nối lại “quốc thống” của hai họ Khúc hoặc Ngô chưa thể làm lung lay hoặc đủ sức thay thế tượng đài “chính thống” lập nước, xưng đế của Đinh Tiên Hoàng. Cho nên dù có ghi nhận, đề cao sự nghiệp của họ Khúc hay Ngô Quyền nhưng sử gia phong kiến vẫn lấy sự kiện Đinh Bộ Lĩnh xưng đế làm mốc “chính thống”. Lê Văn Hưu đã so sánh Đinh Bộ Lĩnh với Triệu Vũ Đế - Triệu Đà, một nhân vật được *Toàn thư* xét vào địa vị chính thống của nước Việt, ngang hàng với Hán Đế (3). Đặng Xuân Bảng lý giải khá rõ ràng quan điểm này của nền sử học phong kiến trong tác phẩm *Việt sử cương mục tiết yếu*: “Việc xưng đế chế và nhận phong vương của Bắc triều, phải lấy Đinh Tiên Hoàng làm đầu, nhưng xét việc nối quốc thống, tiếp tục cơ nghiệp của Hồng Bàng thì phải lấy Khúc Thừa Hựu (Dụ - TG) làm trước” (4).

Cho nên chúng ta thấy các sử gia phong kiến đã đặt sự nghiệp của ba họ Khúc -

Dương - Ngô vào một vị trí chuyển tiếp khá đặc biệt sau phần nội thuộc Trung Quốc nhưng lại trước phần bản kỷ từ khi Đinh Tiên Hoàng lên ngôi. *Toàn thư* đặt 3 họ Khúc, Dương, Ngô trong 32 năm (907-938) vào phần kỷ *Nam Bắc phân tranh* và vương triều Ngô (938-967) vào kỷ *Nhà Ngô* tiếp sau phần nội thuộc vào Trung Quốc, phản ánh khá rõ sự thừa nhận chấm dứt thời thuộc Tùy - Đường từ khi họ Khúc dựng quyền tự chủ (5). Sự phân chia này của *Toàn thư* được Ngô Thì Sĩ kế thừa khi biên soạn *Việt sử tiêu án* và *Đại Việt sử ký tiền biên*. Tuy nhiên, cách phân chia này đến *Cương mục* đã có sự thay đổi lớn. Triều đình Tự Đức đã gộp chung 3 họ Khúc, Dương, Ngô vào phần Bắc thuộc (tiền biên), sự nghiệp nhất thống của Đinh Tiên Hoàng được chọn làm mốc để kết thúc thời kỳ Bắc thuộc cũng như mở đầu phần chính biên của *Cương mục* (6).

2. Quan điểm về mốc kết thúc thời kỳ Bắc thuộc từ đầu thế kỷ XX đến nay

Sự du nhập của các tri thức sử học phương Tây vào Việt Nam từ đầu thế kỷ XX cũng như sự suy tàn của chế độ phong kiến ở Việt Nam đã mang lại nhận thức mới về mốc chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc. Các quan điểm *nhất thống* hay *chính thống* thời phong kiến đã không còn là hệ giá trị chi phối sử gia. Một điều đáng lưu ý là bối cảnh của các sử gia, người viết sử giai đoạn này đã có vai trò lớn trong nhận thức lịch sử. Một sự tái lập của kỷ nguyên mất nước dưới thời Pháp thuộc đã mang lại những phức cảm khi đề cập đến thời kỳ đô hộ suốt nghìn năm Bắc thuộc. *Việt Nam Quốc sử khảo* (1908) của Phan Bội Châu là một tác phẩm sử học trong buổi giao thời tiếp biến Đông - Tây của giới sĩ phu cấp tiến Việt Nam, đã dành những lời thống thiết khi đặt bút về thời Bắc thuộc:

"Mây sâu gió thảm, Giao Chỉ đâu còn thấy anh hùng;

Biển tử non hờn, Việt Thường vắng không nghe tên họ!" (7).

Việc đi tìm hay khôi phục tinh thần "quốc gia", "dân tộc" trong các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX đã thúc đẩy các tác phẩm sử học của thế hệ này từ bỏ tiêu chí "chính thống" của chính sử phong kiến trong việc phân định mốc Bắc thuộc, tìm lại một niềm tự hào trong quá khứ đủ để "chấn dân khí". Tác phẩm sử học cũng như thơ văn đã trở thành phương tiện để cổ vũ, thúc tỉnh lòng yêu nước trong xã hội thuộc địa đương thời. Cho nên cả hai tác phẩm sử học của các sĩ phu cấp tiến đầu thế kỷ XX là *Cải lương mộng học quốc sử giáo khoa thư* (Đông Kinh Nghĩa thực, 1907) và *Việt Nam Quốc sử khảo* (Phan Bội Châu, 1908) đều chọn chiến công của Ngô Quyền đánh quân Nam Hán năm 938 làm mốc kết thúc thời kỳ Bắc thuộc, mở ra kỷ nguyên độc lập. Nếu *Cải lương mộng học quốc sử giáo khoa thư* coi Ngô Quyền là nhân vật anh hùng thứ 2 xây dựng nền độc lập sau Lý Bí thì Phan Bội Châu đã đưa Ngô Quyền lên vị trí "tổ trung hưng thứ nhất" cho đất nước. Theo lý giải của Phan Bội Châu, Lý Nam Đế lập nghiệp nhưng chưa được một năm thì bị nhà Lương đánh bại còn Đinh Tiên Hoàng thì chỉ có công thống nhất, lúc đó "nước ta vẫn là của nước ta" (8) nên Ngô Quyền xứng đáng ở vị trí đầu tiên trong sự nghiệp trung hưng đất nước.

Các nhà Nho cấp tiến đầu thế kỷ XX dưới tinh thần duy tân, đổi mới, "khai dân trí, chấn dân khí" đã đạt một bước tiến quan trọng trong việc cách tân quan điểm sử học. Tinh thần dân tộc được bộc lộ khá rõ trong các tác phẩm này, phần nào phản ánh tâm thế của người cầm bút - tâm trạng của những người vong quốc đang tìm đường cứu nước:

"con người, đau khổ nhất là mất nước càng đau khổ hơn nữa khi con người mất nước đó lại phải nói đến việc quốc gia mình" (9).

Nền tảng này đã được các công trình sử học sau đó tiếp nối. Sau thế hệ của Phan Bội Châu, một lớp trí thức Tây học được đào tạo bài bản đã dần hình thành và tạo lập một mặt bằng học thuật mới. Những tri thức khoa học phương Tây được họ tiếp nhận từ hệ thống giáo dục Pháp ở trong nước cũng như ở Pháp đã dần thay đổi loại hình, phương pháp và cấu trúc của các tác phẩm sử học. Các tác phẩm mang tính biên khảo hay sách giáo khoa sử học bằng chữ Quốc ngữ ra đời (10). Nổi bật là quyển *Việt Nam sử lược* (1920) của Trần Trọng Kim. Xuất thân từ một gia đình có truyền thống khoa cử ở Nghi Xuân, Hà Tĩnh, năm 1906, Trần Trọng Kim sang Pháp làm việc rồi theo học Trường Thuộc địa ở Paris và Trường Tiểu học Sư phạm (École Normale D'Instituteurs) ở Melun. Từ năm 1911, Trần Trọng Kim về nước, hoạt động trong ngành giáo dục ở Bắc Kỳ (11). Trần Trọng Kim bắt đầu đăng một số bài quốc sử bằng Quốc ngữ trên tờ *Đông Dương Tạp chí* và biên soạn sách dạy học cho hệ thống giáo dục Pháp - Việt ở Bắc Kỳ. *Việt Nam sử lược* ra đời năm 1920 được kế thừa từ các thành quả này của Trần Trọng Kim, thỏa mãn mục tiêu truyền bá quốc sử bằng Quốc ngữ như lời đề tựa của tác giả. Hành trạng trước tác giáo khoa thư của một nhà sư phạm như Trần Trọng Kim đã không làm lu mờ giá trị sử học của *Việt Nam sử lược*. *Việt Nam sử lược* không chỉ kế thừa quan điểm sử học của các sĩ phu cấp tiến đầu thế kỷ XX mà còn hoàn thiện hơn một bậc với phương pháp và quan điểm sử học hiện đại. Trần Trọng Kim tiếp tục khẳng định vị thế của Ngô Quyền trong sự nghiệp trung hưng đất nước: "Ngô Quyền trong thì giết được

ngịch thân, báo thù cho chúa; ngoài thì phá được cường địch, bảo toàn được nước; thật là một người trung nghĩa lưu danh thiên cổ. Mà cũng nhờ có tay Ngô Quyền, nước Nam ta mới rửa được cái nhục nô lệ hơn một nghìn năm, và mở đường cho Đinh, Lê, Lý, Trần về sau này được tự chủ ở cõi nam vậy” (12).

Ở tác phẩm này, dù thừa nhận họ Khúc đã “dấy nghiệp” nhưng không coi đó là mốc kết thúc thời Bắc thuộc, Trần Trọng Kim vẫn lấy mốc chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền năm 938. Sự lựa chọn này không được lý giải rõ ràng trong *Việt Nam sử lược* nhưng trong một công trình giáo khoa thư vào năm 1927, Trần Trọng Kim và Đặng Đình Phúc đã cho thấy những kiến giải sâu sắc hơn về họ Khúc cũng như lý do lựa chọn mốc kết thúc thời kỳ Bắc thuộc của người biên soạn. Không khó nhận ra dấu ấn của *Việt Nam sử lược* trong quyển *Sử ký - Địa dư giáo khoa thư* (lớp sơ đẳng) năm 1927 nhưng nó vẫn có những kiến giải riêng về nền tự chủ của họ Khúc:

“Họ Khúc tuy không lập thành cái cơ nghiệp lâu dài, nhưng nhờ có họ ấy xếp đặt, sửa sang mọi việc trong nước, cho nên người mình mới có thể nổi lên mà đánh đuổi người Tàu đi, và lập thành một nước tự chủ lâu dài về sau vậy” (13).

Qua đó, có thể thấy lý do không chọn họ Khúc làm cột mốc kết thúc thời kỳ Bắc thuộc của Trần Trọng Kim là vì họ Khúc “cơ nghiệp không lâu dài”, Khúc Thừa Mỹ không thể ngăn chặn quân Nam Hán tái lập chế độ cai trị của Trung Hoa lên nước ta lần nữa. Quan điểm này trở thành quan điểm chủ đạo trong việc lựa chọn mốc kết thúc thời kỳ Bắc thuộc, mở ra thời kỳ độc lập trong các tác phẩm sử học về sau. *Đại Nam đặt sử* của Nguyễn Văn Tố năm 1944 cũng

đồng quan điểm này khi cho rằng 3 đời họ Khúc đã làm nẩy “cái mầm tự trị” và từ 906 đến 967 đã “thoát khỏi vòng lao lung của người Tàu” (14). Dù chưa được thừa nhận là thắng lợi chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc nhưng vai trò bản lề, tạo tiền đề đi đến độc lập của họ Khúc cũng đã được đề cao.

Trường hợp cá biệt của *Việt sử yếu* cũng nên được đề cập. *Việt sử yếu* của Hoàng Cao Khải được biên soạn vào năm 1914, lại có cách tiếp cận khá đặc biệt khi cho các giai đoạn người Việt nổi dậy chiếm chính quyền trong thời kỳ Bắc thuộc là một “thời kỳ tự chủ” và có tất cả 8 thời kỳ tự chủ dài ngắn khác nhau. Tuy nhiên, Hoàng Cao Khải lại không nhắc đến họ Khúc và Dương và cho rằng nguyên nhân chủ quan khiến Việt Nam có thể tự chủ được là nhờ vào chiến công của Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh và Lê Hoàn trong suốt thế kỷ X. Hoàng Cao Khải cho đây là 3 nguyên nhân quan trọng tạo nên nền tự chủ vững chắc sau 1.000 năm Bắc thuộc, được tác giả đặt thành chương đầu tiên “ghi chép những nguyên nhân nước ta được tự chủ” trong phần nói về thời đại tự chủ (15).

Những biến động chính trị tiếp theo, đặc biệt là sự kiện Cách mạng tháng Tám năm 1945 chấm dứt chế độ thuộc địa, đã mở ra một giai đoạn mới trong nền sử học nước nhà. Từ sau 1954 đến nay, nhiều công trình sử học nối tiếp nhau ra đời, phản ánh sự phát triển của nền sử học thời kỳ độc lập. Tinh thần dân tộc, khoa học dưới lăng kính của chủ nghĩa Marx đã trở thành quan điểm sử học chủ đạo chi phối nền sử học của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trước năm 1975 cũng như nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày nay. Có thể lược qua các quan điểm về mốc kết thúc thời kỳ Bắc thuộc của các bộ thông sử được biên soạn từ năm 1954 đến nay qua bảng 2:

Bảng 2: Cột mốc kết thúc thời kỳ Bắc thuộc qua một vài tác phẩm sử học từ 1954 đến nay (16)

Năm xuất bản	Tác phẩm	Tác giả/Tổ chức	Mốc kết thúc Bắc thuộc	
			905	938
1958	Lịch sử Việt Nam (từ nguồn gốc đến cuối thế kỷ XIX)	Đào Duy Anh		x
1971	Lịch sử Việt Nam, tập 1	Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam		x
1983	Lịch sử Việt Nam, tập 1	Ban thư ký ngành Lịch sử các trường Đại học		x
1996	Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến 1858	Trương Hữu Quýnh - Nguyễn Cảnh Minh	x	
1997	Đại cương lịch sử Việt Nam, tập 1	Trương Hữu Quýnh chủ biên	x	
2000	Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ X (giáo trình đào tạo giáo viên CĐSP)	Nguyễn Cảnh Minh chủ biên		x
2012	Lịch sử Việt Nam (4 tập), tập 1	Phan Huy Lê chủ biên		x
2015	Lịch sử Việt Nam 15 tập	Viện Sử học		x

Trong số các công trình này, đáng chú ý bộ *Lịch sử Việt Nam* do Ủy ban Khoa học Xã hội do Nguyễn Khánh Toàn làm chủ biên có thể xem là bộ sử mang tính chính thức cấp nhà nước, gồm 2 tập xuất bản vào năm 1971 và năm 1985. Như vậy có thể thấy, các công trình thông sử Việt Nam này được biên soạn bởi hệ thống các cơ quan nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn lớn, gồm cả hệ thống viện nghiên cứu, các khoa đào tạo và nghiên cứu khoa học lịch sử và sử phạm lịch sử lớn; có quy mô cấp nhà nước lẫn quy mô cơ quan nghiên cứu hay đào tạo. Qua thống kê trong bảng 2, quan điểm xem chiến thắng năm 938 của Ngô Quyền là cột mốc kết thúc thời kỳ Bắc thuộc vẫn chiếm vai trò chủ đạo.

Tuy nhiên, khoa học lịch sử vẫn tôn trọng và chấp nhận tính đa thanh trong nghiên cứu và kiến giải lịch sử, mở đường cho những quan điểm mới xuất hiện. Từ thập niên 1960, khi chuẩn bị biên soạn một bộ sử chính thức của chế độ mới, ý kiến xem xét lại mốc kết thúc thời kỳ Bắc thuộc

từ khi họ Khúc dựng nghiệp đã bắt đầu xuất hiện. Một trong những người đề xuất đầu tiên chính là nhà sử học Trương Hữu Quýnh. Trong tiểu luận “Thử bàn về quá trình hình thành và phát triển của nhà nước phong kiến Việt Nam từ thế kỷ X - thế kỷ XIV” trên Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 93 năm 1966, Trương Hữu Quýnh đã bác bỏ quan điểm xem sự nghiệp của họ Khúc là thuộc về thời kỳ Bắc thuộc: “Các tác phẩm sử học trước đây của ta, theo quan điểm của các nhà sử học phong kiến, xem giai đoạn thống trị của họ Khúc là một bộ phận của thời kỳ “Bắc thuộc”. Điều này rõ ràng không đúng vì không nói lên được thực chất của sự kiện lịch sử, mà chỉ chủ ý đến hiện tượng bên ngoài, song nó cũng không phải là một nhận định ngẫu nhiên, tùy tiện và không căn cứ. Chính quyền của họ Khúc, về con người thì phần lớn đã là Việt Nam, song về tổ chức thì ngược lại. Từ các quan lại ở trung ương (như chức cao nhất là Tiết độ sứ) cho đến các quan lại địa phương (như Thái thú, Thứ sử) đều chủ

yếu giữ nguyên cách tổ chức cũ, trước đây của chính quyền đô hộ. Bởi vậy chúng ta có thể, một mặt khẳng định rằng từ năm 905 (tức thời thống trị của Tiết độ sứ Khúc Thừa Dụ) nhân dân ta đã thoát khỏi ách đô hộ của giai cấp phong kiến ngoại tộc, bước sang thời kỳ độc lập, cũng như nhận định rằng chính quyền của họ Khúc thực chất là một chính quyền của giai cấp phong kiến bản tộc” (17).

Có thể thấy yếu tố chính quyền dân tộc (bản tộc) của họ Khúc là lý do Trương Hữu Quýnh khẳng định họ Khúc đã chấm dứt thời kỳ bị đô hộ bởi ngoại tộc kéo dài một nghìn năm, qua đó chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc. Dù quan điểm này được Trương Hữu Quýnh đưa ra từ những năm 60 của thế kỷ XX trên diễn đàn công khai của giới sử học miền Bắc nhưng cũng chưa thấy các trao đổi xung quanh tiểu luận này tại thời điểm công bố. Phải đến năm 1983, hội thảo *Thế kỷ X - Những vấn đề lịch sử* được tổ chức tại Ninh Bình đã có nhiều quan điểm ủng hộ việc đưa họ Khúc vào vị trí mở đầu kỷ nguyên độc lập (18). Đến cuối thập niên 1990, 2 tác phẩm *Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến 1858* (1996) và *Đại cương Lịch sử Việt Nam* (tập 1, 1997) do Trương Hữu Quýnh (chủ biên) mới chính thức đặt cột mốc 905 mở đầu cho kỷ nguyên độc lập: “Như vậy, từ năm 905, dù những người đứng đầu đất nước chưa thành lập vương triều và theo xu hướng chung của thời điểm đó, nhận chức tiết độ sứ, “kỉ nội thuộc Tùy - Đường” như cách nói của người xưa hay đầy đủ hơn là “thời Bắc thuộc” nói chung đã chấm dứt vĩnh viễn” (19).

Từ sự mở đầu của 2 công trình sử học do Trương Hữu Quýnh (chủ biên), vào năm 1999, cũng trên Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, GS. Văn Tạo đã kiến nghị với giới sử học nên đưa sự nghiệp 3 họ Khúc - Dương - Ngô lên đầu kỷ nguyên “độc lập dân tộc”

(20). Trước khuynh hướng này, việc nghiên cứu về họ Khúc được đặt ra và đẩy mạnh qua các hội thảo, tọa đàm như: *Khúc Thừa Dụ và dòng họ Khúc trong lịch sử dân tộc* (1999), *Tìm hiểu tư liệu của dòng họ Khúc trong công cuộc giải phóng, xây dựng đất nước* (4-2019), *Họ Khúc trong lịch sử dân tộc-góc nhìn nghệ thuật quân sự* (12-2019)... Như vậy từ khi xuất hiện ý kiến của Trương Hữu Quýnh trên diễn đàn Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* năm 1966, quan điểm lựa chọn mốc kết thúc thời kỳ Bắc thuộc từ khi họ Khúc dựng nghiệp ngày càng có nhiều ý kiến ủng hộ (21). Một số công trình lựa chọn mốc này là sự kiện mở đầu kỷ nguyên độc lập đã ra đời (xem bảng 2), cho thấy nhận thức và đánh giá về sự nghiệp của họ Khúc đã có những bước tiến quan trọng.

Kiến nghị của GS. Văn Tạo cũng khá tương đồng với nhiều công trình nghiên cứu của các sử gia nước ngoài. *Sự phục hưng của nước Đại Việt thế kỷ X- XIV* của Pôliacốp (Liên Xô) từ năm 1980 cũng chọn 3 họ Khúc - Dương - Ngô và hai triều Đinh, Tiền Lê để mở đầu cho giai đoạn “khởi phục nên độc lập” của Việt Nam (22). Keith Weller Taylor trong *The birth of Vietnam* (1983) thì xếp chung ba họ Khúc - Dương - Ngô và nhà Đinh vào chung giai đoạn vận động cho nền độc lập. Đến công trình *A history of Vietnamese* (2013), Keith W. Taylor xếp Khúc - Dương - Ngô và cả nhà Đinh, Tiền Lê vào chung một mục “A lesser empire” để nói về suy yếu và tan rã của chế độ đô hộ của Trung Quốc ở Việt Nam trước khi nói về nhà Lý (23).

Bộ *Lịch sử Việt Nam* (15 tập) của Viện Sử học, Chủ biên tập 2, PGS.TS. Trần Thị Vinh đã đưa sự nghiệp của ba họ Khúc - Ngô - Dương mở đầu thời độc lập và gọi là “bước mở đầu quan trọng trong bước đường đấu tranh giành độc lập của dân tộc ta sau

đó” (24). Nhưng công trình này vẫn đánh giá sự nghiệp của họ Khúc vẫn chưa thật sự “trọn vẹn” do thất bại của Khúc Thừa Mỹ trước quân Nam Hán và vẫn khẳng định sự kiện chiến thắng Bạch Đằng năm 938 của Ngô Quyền mới là mốc chấm dứt vĩnh viễn thời kỳ Bắc thuộc (25).

3. Lời kết

Như vậy, có thể thấy quan điểm kết thúc thời kỳ Bắc thuộc trong nghiên cứu lịch sử Việt Nam đã có sự thay đổi qua quá trình nhận thức lịch sử. Từng bị chi phối bởi các quan điểm “chính thống”, “quốc thống” hay “nhất thống” dưới thời quân chủ, mốc Bắc thuộc xoay quanh các sự kiện năm 905, 938 và 968. Đến đầu thế kỷ XX, các quan điểm phong kiến dần bị thay thế trước sự du nhập của các trào lưu tư tưởng và khoa học phương Tây. Trong bối cảnh thuộc địa, tinh thần dân tộc, chủ nghĩa yêu nước lại trở lại mạnh mẽ trong giới sĩ phu, trí thức cấp tiến. Cho nên Phan Bội Châu xem Ngô Quyền là vị tổ trung hưng thứ nhất trong lịch sử dân tộc, gọi nhắc lại một quá khứ chống ngoại xâm hào hùng. Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 trở thành khuynh hướng chủ đạo trong việc lựa chọn mốc chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc trong các tác phẩm sử học. Tuy nhiên, việc đánh giá vai trò của họ Khúc trong lịch sử cũng có sự thay đổi. Việc thành lập chính quyền “tự trị” của họ Khúc ngày càng được đánh giá, được xem là nền tảng cho quá trình giành được độc lập về sau.

Phải đến năm 1966, trong một tiểu luận trên Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* của Trương Hữu Quýnh, việc lấy sự kiện họ Khúc giành quyền tự chủ làm mốc kết thúc thời kỳ Bắc thuộc được đặt ra. Yếu tố “chính quyền bản tộc” của họ Khúc là luận điểm chủ yếu cho kiến giải này của Trương Hữu Quýnh. Các công trình về *Lịch sử Việt*

Nam do Trương Hữu Quýnh (chủ biên) cuối thập niên 1990 là bước đi tiên phong trong việc chọn sự kiện năm 905 của họ Khúc làm mốc kết thúc thời kỳ Bắc thuộc.

Sự phát triển của quan điểm này đã thúc đẩy việc nghiên cứu và đánh giá lại vai trò của họ Khúc trong lịch sử qua nhiều sinh hoạt khoa học, công trình nghiên cứu trong nước. Từ đầu thế kỷ XXI đến nay, một số công trình sử học đã bắt đầu đặt họ Khúc vào đầu giai đoạn “quá độ”, “chuẩn bị” cho nền độc lập vững chắc trong thế kỷ X. Nếu coi việc chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc là một quá trình có sự chuẩn bị lâu dài, mốc năm 938 là chiến thắng quyết định thì sự kiện họ Khúc dựng quyền tự chủ xứng đáng ở vị trí mở đầu cho cuộc vận động giải phóng dân tộc khỏi ách đô hộ Trung Hoa trong nửa đầu thế kỷ X.

Nhìn chung, cùng với quá trình hiện đại hóa nền sử học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến nay, quan điểm về mốc kết thúc thời kỳ Bắc thuộc đã có nhiều sự thay đổi. Một khuynh hướng rõ ràng và dễ nhận thấy là việc đánh giá, đề cao vai trò của họ Khúc ngày càng nhận được sự quan tâm và ủng hộ của giới sử học trong và ngoài nước. Điều này phản ánh một bước tiến dài trong nhận thức lịch sử, đặc biệt là đối với sự nghiệp của họ Khúc trong lịch sử dân tộc. Lịch sử thì chỉ có một nhưng nhận thức lịch sử là cả một quá trình, với nhiều góc nhìn, quan điểm đa chiều. Tinh thần khoa học vốn khách quan, vô tư và cầu thị, tôn trọng tiếng nói, kiến giải khác biệt. Do đó, tranh luận trong khoa học lịch sử càng là động lực thúc đẩy nhận thức lịch sử tiệm cận với sự thật lịch sử. Tinh thần này đã đem lại nhiều thành quả quan trọng trong nghiên cứu và biên soạn lịch sử nước nhà, trong đó có thời kỳ tự chủ của họ Khúc - nền tảng mở đầu cho cuộc vận động chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc vào đầu thế kỷ X.

CHÚ THÍCH

(1). Lê Tắc, *An Nam chí lược*, Nxb. Lao động, 2009, tr. 162. Lê Tắc còn cho biết, các thứ sử đến nhậm chức Thái thú thay Sĩ Nhiếp như Trần Thời, Đái Lương đều bị con Sĩ Nhiếp là Sĩ Huy cự tuyệt.

(2), (3). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004, tr. 47, 205.

(4). Đặng Xuân Bảng, *Việt sử cương mục tiết yếu*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000, tr. 56.

(5). *Toàn thư* tính kỷ thuộc Tùy - Đường là từ năm 603 đến 906, *Đại Việt sử ký toàn thư, tập 1*, sdd, tr. 187.

(6). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, 2007, tr. 223.

(7). Phan Bội Châu, (Chương Thâu dịch), *Việt Nam Quốc sử khảo*, Nxb. Giáo dục, 1962, tr. 22

(8). Chương Thâu sưu tầm (2010), “Cải lương mộng học quốc sử giáo khoa thư”, *Đông Kinh Nghĩa thực và văn thơ Đông Kinh Nghĩa thực*, Nxb. Hà Nội, tr. 549; Phan Bội Châu, (Chương Thâu dịch), *Việt Nam Quốc sử khảo*, Nxb. Giáo dục, 1962, tr. 22-23.

(9). Phan Bội Châu, (Nguyễn Quang Tô dịch), *Việt Nam vong quốc sử*, Tao Đàn xuất bản, Sài Gòn, 1969, tr. 21.

(10). Trước *Việt Nam sử lược* (1920) còn có *Nam Việt lược sử* (1919) của Nguyễn Văn Mai, thầy giáo tại trường Chasseloup-Laubat.

(11). Lê Thanh, *Cuộc phỏng vấn các nhà văn*, Nxb. Đời mới, Hà Nội, 1943, tr. 9-10.

(12). Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược, tập 1*, Nxb. Lê Thăng, Hà Nội, 1943, tr. 80.

(13). Trần Trọng Kim - Đặng Đình Phúc, *Sử ký - Địa dư giáo khoa thư (lớp sơ đẳng)*, Nha học chính Đông Pháp, 1927, tr. 23.

(14). Nguyễn Văn Tố, “Đại Nam dật sử, mục XXVI”, *Tạp chí Tri tân*, số 145, ngày 8-7-1944, tr.12.

(15). Hoàng Cao Khải, *Việt sử yếu*, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn, 1971, tr.126-127.

(16). Ngoài ra, các sử phẩm của Phan Xuân Hòa (1952), Phạm Văn Sơn (1956), Nguyễn

Phương (1965) đều chọn cột mốc 938 làm sự kiện kết thúc thời kỳ Bắc thuộc.

(17). Trương Hữu Quýnh, “Thử bàn về quá trình hình thành và phát triển của nhà nước phong kiến Việt Nam từ thế kỷ X - thế kỷ XIV”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 93 năm 1966, tr. 38.

(18), (20). Văn Tạo, “Nên đưa ba họ Khúc-Dương-Ngô vào vị trí mở đầu cho kỷ “Độc lập dân tộc””, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 5 (306) năm 1999, tr. 81.

(19). Trương Hữu Quýnh chủ biên, *Đại cương lịch sử Việt Nam, tập 1*, Nxb. Giáo dục, 2005, tr. 102.

(21). Xem thêm Trần Thuận, “Năm 905: Kết thúc thời kỳ “Ngàn năm Bắc thuộc””, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 5 (529)-2020, tr. 15-27; Kỷ yếu *Họ Khúc trong lịch sử dân tộc: góc nhìn nghệ thuật quân sự*, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2020.

(22). A.B. Pôliacốp, *Sự phục hưng của nước Đại Việt thế kỷ X - XIV*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 19.

(23). Tuy nhiên ở công trình năm 1983, Keith Weller Taylor đánh giá cao Đinh Bộ Lĩnh hơn Ngô Quyền. Có thể thấy, lúc này Keith còn chịu ảnh hưởng của các tài liệu sử học phong kiến Việt Nam trong việc đề cao việc lên ngôi hoàng đế của Đinh Bộ Lĩnh. Quan điểm này vẫn được Keith thể hiện khi viết về phần lịch sử Việt Nam trong bộ sách *The Cambridge History of Southeast Asia* của Đại học Cambridge năm 1992. Đến công trình *Một lịch sử của người Việt (A history of Vietnamese)* năm 2013, Keith lại coi việc Ngô Quyền xưng vương cũng giống như các thế lực trong cục diện “thập quốc” bên Trung Quốc đương thời.

Taylor, K. W, *The birth of Vietnam*, University of California Press, 1983.

Taylor, K. W, *A history of the Vietnamese*, Cambridge University Press, 2013.

Tarling, Nicholas, *The Cambridge history of Southeast Asia*, vol 1, Cambridge University Press, 1994.

(24), (25). Trần Thị Vinh chủ biên, *Lịch sử Việt Nam, tập 2 (Từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV)*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2017, tr. 39.